

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y KHOA THEO CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Lê Đình Tùng¹, Nguyễn Thị Bình¹, Đỗ Thanh Hương^{1,2}, Lê Lan Hương¹
Nguyễn Thị Thuỳ Linh¹, Nguyễn Trường Sơn¹, Trần Thanh Tùng¹
Trần Thị Hương Lan¹, Vũ Nam Khánh¹ và Nguyễn Ngọc Sơn^{1,✉}

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Nhi Trung ương

Tuyển sinh đại học ngày càng áp dụng nhiều hình thức nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào, việc đánh giá mối liên quan giữa phương thức tuyển sinh với kết quả học tập cần thiết cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh hiệu quả và nâng cao chất lượng đào tạo. Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Y khoa theo các phương thức tuyển sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội giai đoạn 2021 – 2022. Nghiên cứu mô tả cắt ngang hồi cứu được thực hiện trên 796 sinh viên đang theo học. Kết quả cho thấy phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông chiếm tỷ trọng lớn nhất (71,48%). Năm 2021, sinh viên xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ có điểm trung bình năm nhất cao nhất (8,01/10). Ở cả hai khoá, sinh viên xét tuyển thẳng có kết quả học tập tốt nhất trong ba phương thức (lần lượt là: 7,86 và 8,19). Kết luận, phương thức tuyển sinh là yếu tố dự báo kết quả học tập của sinh viên ngành y khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ khoá: Phương thức tuyển sinh, kết quả học tập, điểm trung bình học tập.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hiện nay, khi chất lượng giáo dục đại học ngày càng được đặt lên hàng đầu, việc tuyển chọn những thí sinh phù hợp cho các ngành đặc thù, đặc biệt là ngành y khoa. Theo nhiều nghiên cứu trên thế giới, hệ thống tuyển sinh đại học ở nhiều nước xuất hiện không chỉ một mà thay vào đó nhiều mô hình đánh giá khác nhau như *xét tuyển dựa trên kỳ thi chuẩn hóa* (Standardized Test Based Admission) tại nhiều quốc gia châu Á, *đánh giá toàn diện ứng viên* (Comprehensive Candidate Assessment) tại Hoa Kỳ và *tuyển sinh theo ngành chuyên sâu* (Major Specific Admission) ở một số nước châu Âu.¹ Những nghiên cứu này chỉ ra rằng mỗi mô hình đều mang những ưu thế và thách

thức riêng. Tuy nhiên, việc tất cả các mô hình này có khả năng dự báo kết quả học tập của sinh viên hay không vẫn là vấn đề được quan tâm.

Các nghiên cứu phân tích hệ thống tuyển sinh tại các nước EU chỉ ra rằng cách thức tuyển sinh, bao gồm tiêu chí lựa chọn và quy trình thực hiện có thể ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập và tỷ lệ hoàn thành chương trình đào tạo của sinh viên.² Nghiên cứu của Joshua T Hanson cùng các cộng sự vào năm 2022 dựa trên dữ liệu từ 17 trường y khoa tại Hoa Kỳ và Canada cho thấy điểm thi MCAT (Medical College Admission Test) và UGPA (Undergraduate Grade Point Average) giúp dự đoán khả năng sinh viên đạt được tiến bộ ổn định, sinh viên hoàn thành khóa học đúng tiến độ hoặc học thêm một năm, vượt qua kỳ thi cấp phép chứng chỉ hành nghề ngay lần thi đầu tiên.³ Nghiên cứu của Laksha Bala và các cộng sự thực hiện năm 2021 đã khẳng

Tác giả liên hệ: Nguyễn Ngọc Sơn

Trường Đại học Y Hà Nội

Email: ngocson@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 27/02/2026

Ngày được chấp nhận: 27/03/2026

định tổng điểm của kỳ thi UCAT (University Clinical Aptitude Test) và phần vấn đáp (Verbal Reasoning) là các yếu tố dự báo đối với kết quả học tập tiền lâm sàng, lâm sàng và kết quả UKFPO (Chương trình Dự bị Đại học Vương quốc Anh).⁴ Tại Việt Nam, các trường đại học đã triển khai sử dụng đa dạng các phương thức tuyển sinh, việc xem xét mối liên hệ giữa phương thức tuyển sinh và kết quả học tập của sinh viên càng trở nên thiết yếu. Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Lợi cùng các cộng sự được thực hiện với dữ liệu của sinh viên ngành y khoa khóa 2012 - 2018 Trường Đại học Y dược Huế cho thấy điểm trúng tuyển đại học cao thì kết quả học tập năm nhất cao.⁵

Trường Đại học Y Hà Nội là một trong những cơ sở đào tạo y khoa hàng đầu tại Việt Nam, luôn duy trì các tiêu chí tuyển sinh nghiêm ngặt nhằm bảo đảm chất lượng đầu vào phù hợp với yêu cầu đào tạo ngành y khoa. Trong giai đoạn 2021 – 2022, trường áp dụng ba phương thức tuyển sinh chính bao gồm: xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), xét tuyển kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp và tuyển thẳng. Sự khác biệt về tiêu chí tuyển sinh của từng phương thức có thể ảnh hưởng đến năng lực học tập, khả năng thích ứng và kết quả học tập của sinh viên trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Việc đánh giá mối liên hệ giữa phương thức tuyển sinh và kết quả học tập của sinh viên sẽ cung cấp cơ sở quan trọng cho công tác hoạch định chính sách tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế trong tương lai.

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện nhằm đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành y khoa theo các phương thức tuyển sinh đang được áp dụng tại Trường Đại học Y Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Sinh viên trúng tuyển vào ngành y khoa theo các phương thức tuyển sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội năm 2021 (khóa 2021 – 2027) và năm 2022 (khóa 2022 – 2028), không bao gồm sinh viên y khoa tại Phân hiệu Thanh Hóa.

Tiêu chuẩn lựa chọn: (1) Sinh viên có đầy đủ điểm trung bình chung học tập cả năm học kể từ năm thứ nhất đến thời điểm nghiên cứu; (2) Sinh viên tình nguyện tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: (1) Sinh viên có dữ liệu không đầy đủ về phương thức tuyển sinh hoặc thông tin cá nhân; (2) Sinh viên không có đầy đủ kết quả học tập; (3) Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang hồi cứu.

Cỡ mẫu: chúng tôi sử dụng công thức ước lượng cỡ mẫu so sánh đồng thời (Multiple-Sample One-Way ANOVA – Simultaneous Comparison) của Shein-Chung Chow⁶:

$$n = \frac{\lambda}{\Delta}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu tối thiểu.
- λ : tham số không trung tâm, được cho theo nghiên cứu của chúng tôi với mức ý nghĩa thống kê và xác suất sai lầm loại II.
- Δ : độ lớn hiệu ứng tổng quát.

Sau khi thay các biến số cần thiết và thực hiện tính toán, cỡ mẫu tối thiểu cần khảo sát cho nghiên cứu là 408 sinh viên.

Phương pháp thu thập số liệu

Sinh viên được mời tham gia nghiên cứu sẽ được cung cấp Phiếu cung cấp thông tin cho người tham gia nghiên cứu (ICF) và Đơn tình nguyện tham gia nghiên cứu. Sau khi đã chấp

thuận tham gia nghiên cứu, sinh viên được yêu cầu điền Bộ câu hỏi thu thập dữ liệu tuyển sinh và kết quả học tập. Đồng thời, các biến số sử dụng trong nghiên cứu cũng được nhóm nghiên cứu trích xuất và đối chiếu với cơ sở dữ liệu của Phòng Quản lý Đào tạo Đại học và các đơn vị quản lý dữ liệu tuyển sinh nhằm đảm bảo tính chính xác và hạn chế sai số do tự khai báo.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện, 796 sinh viên ngành Y khoa khóa 2021 – 2027 và khóa 2022 – 2028.

Thời gian nghiên cứu: 06/2025 – 11/2025.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Biến số nghiên cứu

Biến định tính: giới tính, dân tộc, phương thức tuyển sinh.

+ Giới tính: Nam/Nữ.

+ Dân tộc: Kinh/Dân tộc khác.

+ Phương thức tuyển sinh: hình thức xét tuyển của sinh viên vào Trường Đại học Y Hà Nội trong hai năm 2021 và 2022, gồm ba phương thức tuyển sinh bao gồm: xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển kết hợp kết quả thi THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp và tuyển thẳng.

Biến định lượng: tuổi, điểm trung bình học tập từng năm, điểm trung bình học tập chung.

+ Tuổi: tính theo năm tại thời điểm nghiên cứu.

+ Điểm trung bình học tập từng năm: trung bình có trọng số của các module/môn học trong từng năm học kể từ năm thứ nhất đến thời điểm nghiên cứu, tính theo số tín chỉ.

+ Điểm trung bình học tập chung: trung bình có trọng số của điểm trung bình từng năm, với trọng số là số tín chỉ của từng năm học.

Phương pháp xử lý số liệu: Dữ liệu được làm sạch và phân tích bằng phần mềm Stata 17.0.

Bước 1 – Kiểm tra và làm sạch dữ liệu: Loại bỏ tất cả dữ liệu của sinh viên rơi vào tiêu chuẩn loại trừ. Mã hóa dữ liệu đối với biến định tính.

Bước 2 – Thống kê mô tả: Các biến định tính được trình bày dưới dạng tần suất và tỷ lệ phần trăm; các biến định lượng được mô tả bằng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.

Bước 3 – So sánh giữa các nhóm: Kiểm định ANOVA hoặc Kruskal-Wallis được sử dụng để so sánh điểm trung bình học tập giữa ba phương thức tuyển sinh.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được phê duyệt nhiệm vụ Khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Y Hà Nội năm 2025 theo Quyết định số 9899/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 11 năm 2025. Nghiên cứu cam kết bảo mật thông tin cá nhân của các sinh viên tham gia nghiên cứu và không sử dụng số liệu ngoài mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi có sự tham gia của 796 sinh viên có dữ liệu phù hợp với tiêu chuẩn lựa chọn, bao gồm 401 sinh viên Y khoa khóa 2021 – 2027 và 395 sinh viên Y khoa khóa 2022 – 2028. Trong phần kết quả dưới đây, chúng tôi sử dụng quy ước mã số phương thức tuyển sinh theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Y Hà Nội, trong đó: Phương thức 100 – Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT; Phương thức 409 – Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp; Phương thức 301 – Tuyển thẳng. Bên cạnh đó, trong nghiên cứu này, sinh viên năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư được ký hiệu lần lượt là Y1, Y2, Y3, Y4 nhằm tránh nhầm lẫn cho độc giả ngoài ngành và quốc tế.

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Biến số	Chung (n = 796)	Khoá 2021 - 2027 (n = 401)	Khoá 2022 - 2028 (n = 395)
Tuổi (năm), ($\bar{x} \pm SD$)	21,6 \pm 0,79	22,1 \pm 0,52	21,1 \pm 0,7
<i>Giới tính (n, %)</i>			
Nam	507 (63,69)	244 (60,85)	263 (66,58)
Nữ	289 (36,31)	157 (30,15)	132 (33,42)
<i>Dân tộc (n, %)</i>			
Kinh	621 (78,02)	305 (76,06)	316 (80)
Khác	175 (21,98)	96 (23,94)	79 (20)
<i>Phương thức tuyển sinh (n, %)</i>			
Phương thức 100	569 (71,48)	323 (80,55)	246 (62,28)
Phương thức 409	112 (14,07)	33 (8,23)	79 (20)
Phương thức 301	115 (14,45)	45 (11,12)	70 (17,72)

Tỷ lệ Nam/Nữ 1,75:1. Số lượng sinh viên thuộc dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ lớn nhất (78,02%). Trong hai khoá, phương thức xét kết quả tốt nghiệp THPT chiếm tỷ trọng lớn nhất

với 71,48%.

2. Mối tương quan giữa kết quả học tập và phương thức tuyển sinh

Bảng 2. Kết quả học tập ở sinh viên ngành Y khoa khóa 2021 – 2027 theo từng phương thức tuyển sinh

Các năm học	Điểm trung bình học tập ($\bar{x} \pm SD$)			p
	Phương thức 100 (n = 323)	Phương thức 409 (n = 33)	Phương thức 301 (n = 45)	
Y1	7,44 \pm 0,64	8,01 \pm 0,61	7,99 \pm 0,61	0,001
Y2	7,27 \pm 0,6	7,45 \pm 0,51	7,58 \pm 0,65	0,0008
Y3	7,64 \pm 0,67	7,74 \pm 0,61	7,93 \pm 0,63	0,0135
Y4	7,74 \pm 0,46	7,78 \pm 0,45	7,96 \pm 0,34	0,0107
Chung	7,54 \pm 0,53	7,73 \pm 0,51	7,86 \pm 0,51	0,001

Sinh viên xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ có điểm trung bình học tập năm Y1 cao nhất (8,01/10). Ở cả ba phương thức, điểm trung bình

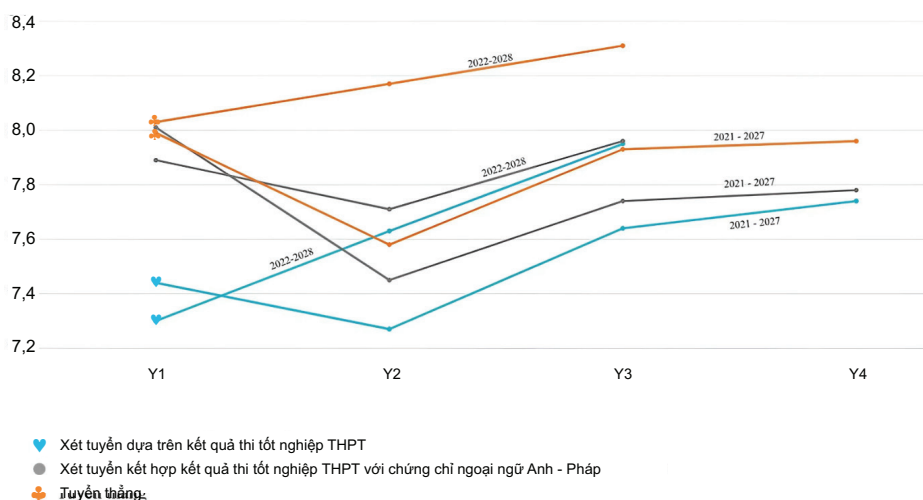
học tập thấp nhất ở năm Y2. Có sự khác biệt về điểm trung bình học tập theo từng phương thức tuyển sinh ở tất cả các năm ($p < 0,05$).

Bảng 3. Kết quả học tập ở sinh viên ngành Y khoa khóa 2022 – 2028 theo từng phương thức tuyển sinh

Các năm học	Điểm trung bình học tập ($\bar{x} \pm SD$)			p
	Phương thức 100 (n = 246)	Phương thức 409 (n = 79)	Phương thức 301 (n = 70)	
Y1	7,3 ± 0,81	7,89 ± 0,61	8,03 ± 0,48	0,001
Y2	7,63 ± 0,69	7,71 ± 0,75	8,17 ± 0,44	0,001
Y3	7,95 ± 0,63	7,96 ± 0,67	8,31 ± 0,46	0,001
Chung	7,67 ± 0,65	7,85 ± 0,66	8,19 ± 0,41	0,001

Sinh viên xét tuyển thẳng có điểm trung bình học tập cao nhất (8,19/10). Đối với nhóm sinh viên xét tuyển kết hợp chứng chỉ Anh –

Pháp, điểm trung bình thấp nhất trong năm Y2 (7,71/10) và cao nhất trong năm Y3 (7,96/10).

**Biểu đồ 1. Biểu đồ phân bố kết quả học tập trong từng năm của sinh viên khóa 2021 – 2027 và khóa 2022 – 2028 theo các phương thức tuyển sinh**

Sinh viên Y khoa khóa 2022 – 2028 có điểm trung bình học tập cao hơn sinh viên khóa 2021–2027 trong hầu hết các năm. Sinh viên tuyển thẳng khóa 2022 – 2028 có điểm trung bình học tập cao nhất trong tất cả các năm Y1, Y2, Y3.

IV. BÀN LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục đại học cùng với nhu cầu ngày càng tăng về nguồn

nhân lực y tế chất lượng cao, tuyển sinh ngành Y khoa đã trở thành một vấn đề trọng tâm trong nhiều hệ thống giáo dục trên thế giới nói chung và giáo dục Việt Nam nói riêng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng phương thức và kết quả tuyển sinh đại học có thể được xem là yếu tố ảnh hưởng và dự báo kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo.^{5,7-9} Các trường đại học Y khoa hàng đầu trên thế giới áp dụng nhiều phương thức tuyển sinh đa dạng, phản ánh đặc

thù của từng hệ thống giáo dục như: MCAT, UCAT, BMAT (BioMedical Admissions Test). Trường Đại học Y Hà Nội là một trong những cơ sở đào tạo Y khoa trọng điểm của cả nước. Trường bắt đầu tuyển sinh ngành bác sĩ Y khoa từ những năm 1960 và đến nay vẫn luôn là một trong những đơn vị có tiêu chí đầu vào vô cùng nghiêm ngặt. Kể từ năm 2021, trường áp dụng 3 phương thức tuyển sinh chính: (1) Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT; (2) Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp; (3) Tuyển thẳng.

Với 796 sinh viên có dữ liệu đủ điều kiện, nghiên cứu của chúng tôi là một trong những nghiên cứu có quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam đánh giá một cách có hệ thống về kết quả học tập ở sinh viên ngành Y khoa theo các phương thức tuyển sinh được áp dụng tại trường. Kết quả cho thấy, sinh viên có điểm trung bình học tập khá cao (7,54 – 8,19/10), mức học lực trải đều từ khá đến giỏi. Kết quả này có phần cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Ngô Bảo Đăng và cộng sự (2025) trên 1038 sinh viên Y đa khoa tại một trường đại học Y khoa lớn ở miền Bắc Việt Nam trong năm học 2023 – 2024: 6,57/10.¹⁰ Sự khác biệt này có thể do Trường Đại học Y Hà Nội có đầu vào tuyển sinh cao với đa dạng các hình thức xét tuyển, môi trường đào tạo có tính học thuật và kỷ luật cao, cùng với chuẩn đánh giá học tập ổn định, được duy trì lâu dài. Bên cạnh đó, việc tiếp xúc sớm và liên tục với môi trường bệnh viện trung ương giúp sinh viên hình thành thói quen học tập nghiêm túc và định hướng rõ ràng mục tiêu nghề nghiệp.

Nhìn chung, đặc điểm của đối tượng nghiên cứu giữa hai khóa tương đối tương đồng về độ tuổi và cơ cấu dân tộc, cho thấy tính đồng nhất của mẫu nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt nhất định về phân bố giới tính và đặc biệt là phương thức tuyển sinh giữa hai khóa.

Trong đó, phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT luôn chiếm tỷ lệ cao nhất, cho thấy phương thức xét tuyển này vẫn giữ vai trò chủ đạo trong công tác tuyển sinh tại trường. Những khác biệt này phần nào phản ánh sự điều chỉnh trong cơ cấu tuyển sinh qua các năm và có thể ảnh hưởng đến đặc điểm đầu vào của sinh viên trong từng khóa.

Khoá 2021 – 2027 là khoá đầu tiên Trường Đại học Y Hà Nội bổ sung phương thức tuyển sinh xét tuyển kết quả thi THPT kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp như một phương thức riêng biệt. Điểm trung bình học tập ở sinh viên tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp này cao nhất so với hai phương thức còn lại vào năm Y1 (8,01/10) đồng thời giữ vị trí thứ 2 trong ba năm học tiếp theo. Trong năm Y1, sinh viên được đào tạo các môn khoa học đại cương – cơ sở, bao gồm Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi điểm tương ứng (10/10) cho hai môn học này ở mỗi kỳ thuộc năm nhất. Điều này hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh yêu cầu đào tạo bác sĩ đòi hỏi cao về tiếp cận kiến thức y học quốc tế, nghiên cứu khoa học và trao đổi chuyên môn hiệu quả với cộng đồng y khoa toàn cầu.^{11,12} Trong khi đó, nhóm sinh viên xét tuyển thẳng có điểm trung bình học tập chung cao nhất (7,86/10) và thấp nhất ở nhóm sinh viên xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT (7,54/10). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thuý Lan và các cộng sự (2024): nhóm sinh viên tuyển thẳng có kết quả học tập giỏi và xuất sắc cao nhất: 80%, trong đó có 45,71% đạt loại xuất sắc.¹³ Phương thức tuyển thẳng được áp dụng đối với thí sinh có thành tích tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế/kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia. Nhóm sinh viên này trong quá trình học tập phổ thông được rèn luyện về tư duy logic, khả năng quản lý thời gian và học tập dưới áp lực cao giúp cho sinh viên thích nghi nhanh hơn

với môi trường đào tạo bác sĩ y khoa vốn được coi là khắc nghiệt và đặc thù hơn khi so với các ngành nghề khác. Sau khi trải qua quá trình đào tạo những môn khoa học cơ bản, kiến thức nền tảng y học ở giai đoạn 1 (năm Y1), sinh viên được tích hợp kiến thức, khoa học y học cơ sở với y học lâm sàng vào giai đoạn 2 (năm Y2, Y3). Bước chuyển đổi giữa 2 giai đoạn yêu cầu sinh viên chủ động thích nghi, tích lũy kiến thức. Điều này lý giải cho việc điểm trung bình học tập giảm nhẹ từ năm Y1 đến năm Y2, sau đó tăng đều trong các năm Y3, Y4.

Năm 2022, Trường Đại học Y Hà Nội thực hiện thay đổi về chỉ tiêu tuyển sinh đối với ngành Y khoa, trong đó chỉ tiêu tuyển sinh phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp tăng gấp đôi (từ 40 chỉ tiêu năm 2021 lên 80 chỉ tiêu năm 2022). Sự thay đổi này giúp nhà trường có thêm nguồn nhân lực đào tạo có năng lực tốt về ngoại ngữ. Đồng thời, số lượng sinh viên tuyển thẳng cũng tăng mạnh. Kết quả phân tích được cho thấy điểm trung bình học tập của sinh viên Y khoa khóa 2022 – 2028 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các phương thức tuyển sinh. Sinh viên trúng tuyển theo phương thức tuyển thẳng vẫn đạt điểm trung bình cao nhất ở tất cả các năm học (8,03 – 8,31/10). Điểm trung bình học tập có xu hướng tăng dần trong ba năm học ở hai nhóm phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT và tuyển thẳng, phản ánh sự thích nghi và phát triển năng lực học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo. Xu hướng này không xuất hiện ở nhóm sinh viên xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ. Đề thi tốt nghiệp THPT năm 2022 được đánh giá có mức độ phân hoá cao hơn so với năm 2021. Phân tích cho thấy phổ điểm hai môn Toán và Sinh học năm 2022 có các chỉ số thấp hơn đáng kể so với năm 2021. Kết hợp với việc nhà trường điều chỉnh tăng chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển

kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ, làm tăng cao tính cạnh tranh và chọn lọc đối với nhóm thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Từ đó, nhà trường tuyển chọn được những sinh viên có năng lực học tập tốt và khả năng thích ứng cao với môi trường đào tạo áp lực.

Biểu đồ 1 thể hiện khách quan hơn sự khác biệt về kết quả học tập giữa các phương thức tuyển sinh. Sự khác biệt này gợi ý rằng phương thức tuyển sinh đầu vào có thể là yếu tố dự báo đáng tin cậy đối với kết quả học tập ở bậc đại học. Các nhóm sinh viên được tuyển thẳng – thường có hồ sơ học tập xuất sắc và năng lực toàn diện – có xu hướng đạt kết quả tốt và ổn định hơn. Trong khi đó, phương thức xét tuyển dựa vào điểm thi THPT có thể chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố năng lực học tập dài hạn, kỹ năng tự học và khả năng thích ứng của sinh viên – những năng lực quan trọng trong đào tạo Y khoa.

Khi so sánh kết quả học tập giữa sinh viên hai khóa 2021 – 2027 và 2022 – 2028, có thể nhận thấy điểm trung bình của khóa 2022 – 2028 nhìn chung cao hơn ở hầu hết các nhóm phương thức tuyển sinh. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tại Trường Đại học Đồng Tháp, khi cho thấy các phương thức tuyển sinh có liên quan đến kết quả học tập của sinh viên; theo đó, việc cải thiện và điều chỉnh các tiêu chí tuyển sinh qua các năm có thể góp phần nâng cao kết quả học tập của các khóa sau so với các khóa trước.¹⁴ Qua mỗi năm, Trường Đại học Y Hà Nội liên tục thực hiện hoàn thiện và chọn lọc quy trình tuyển sinh đại học với các tiêu chí đánh giá ngày càng chú trọng năng lực học tập thực chất, kỹ năng tự học và khả năng ngoại ngữ, giúp lựa chọn được nhóm thí sinh có năng lực toàn diện và sẵn sàng cho chương trình đào tạo Y khoa. Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện những đổi mới và cải thiện trong phương pháp giảng dạy và hỗ trợ học tập. Sự khác biệt về kết quả học tập giữa hai khóa sinh

viên cho thấy hiệu quả của công tác tuyển sinh và định hướng đào tạo đang được nâng cao qua từng năm.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phương thức tuyển sinh có mối tương quan với kết quả học tập của sinh viên ngành Y khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội. Phân tích kết quả học tập chung của hai khóa 2021 – 2027 và 2022 – 2028 cho thấy điểm trung bình học tập của sinh viên dao động từ 7,54 đến 8,19, tương ứng với mức khá đến giỏi. Đáng chú ý, nhóm sinh viên trúng tuyển theo phương thức tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ Anh – Pháp có xu hướng đạt kết quả học tập cao và ổn định hơn so với nhóm xét tuyển bằng điểm thi THPT. Trong đó, nhóm sinh viên tuyển thẳng thể hiện kết quả học tập nổi bật nhất, với điểm trung bình lần lượt là 7,86 ở khóa 2021 – 2027 và 8,19 ở khóa 2022 – 2028. Những kết quả này gợi ý rằng việc đa dạng hóa và hoàn thiện các phương thức tuyển sinh có thể góp phần nâng cao chất lượng đầu vào, từ đó cải thiện hiệu quả đào tạo trong lĩnh vực Y khoa.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Trường Đại học Y Hà Nội: “Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của chất lượng thí sinh trúng tuyển ngành Y khoa theo các phương thức tuyển sinh tại Trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2021-2024”. Chân thành cảm ơn Ban Giám Hiệu, Phòng Quản lý Đào tạo Đại học và toàn thể các bạn sinh viên của Trường Đại học Y Hà Nội đã tham gia nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Helms R. University Admissions: Practices and Procedures Worldwide. *Int High Educ.*

Published online March 25, 2015. doi:10.6017/ihe.2009.54.8410

2. Orr D, Usher A, Atherton G, et al. *Study on the Impact of Admission Systems on Higher Education Outcomes.* 2017. doi:10.2766/943076

3. Hanson JT, Busche K, Elks ML, et al. The Validity of MCAT Scores in Predicting Students' Performance and Progress in Medical School: Results From a Multisite Study. *Acad Med J Assoc Am Med Coll.* 2022;97(9):1374-1384. doi:10.1097/ACM.0000000000004754.

4. Bala L, Pedder S, Sam AH, et al. Assessing the predictive validity of the UCAT-A systematic review and narrative synthesis. *Med Teach.* 2022;44(4):401-409. doi:10.1080/0142159X.2021.1998401.

5. Tran Thi Loi, Tran Duc Lai. Academic achievement and its associated factors among the first and second year medical students of the course 2012 - 2018 at hue university of medicine and pharmacy. *J Med Pharm.* Published online May 2016:85-94. doi:10.34071/jmp.2016.2.12.

6. Chow SC. Professor Department of Biostatistics and Bioinformatics Duke University School of Medicine Durham, North Carolina, U.S.A. Published online 2008.

7. Hanson JT, Busche K, Elks ML, et al. The Validity of MCAT Scores in Predicting Students' Performance and Progress in Medical School: Results From a Multisite Study. *Acad Med J Assoc Am Med Coll.* 2022;97(9):1374-1384. doi:10.1097/ACM.0000000000004754.

8. Davies DJ, Sam AH, Murphy KG, et al. BMAT's predictive validity for medical school performance: A retrospective cohort study. *Med Educ.* 2022;56(9):936-948. doi:10.1111/medu.14819.

9. Nguyễn Mạnh Hùng. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh Tế, Đại

học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*. 2020;129(6C):137-150. doi:10.26459/hueuni-jssh.v129i6C.5678.

10. Dang NB, Tran PT, Tran HT, et al. What Drives Academic Performance: Lifestyle, Mental Health, and Biological Traits Among Medical Students in a Southeast Asian Context. *Psychol Int*. 2025;7(2):38. doi:10.3390/psycholint7020038

11. Chan SMH, Mamat NH, Nadarajah VD. Mind your language: the importance of english language skills in an International Medical Programme (IMP). *BMC Med Educ*. 2022;22(1):405. doi:10.1186/s12909-022-03481-w

12. Wahyuni S. English Language Needs for Medical Students: A Link and Match of

Academic and Professional Career. *Engl FRANCA Acad J Engl Lang Educ*. 2021;5(1 May):169-184. doi:10.29240/ef.v5i1.2146

13. Lan NT, Trang NT, Hùng NV. So sánh hiệu quả các phương thức tuyển sinh thông qua thống kê kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*. 2024;40(5):106-123. doi:10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5192

14. Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Quốc Tuấn, Lê Thị Bích Vân. Mối quan hệ giữa các tiêu chí tuyển sinh đại học chính quy và thành tích học tập năm thứ nhất của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. doi: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12288>

Summary

ACADEMIC PERFORMANCE OF MEDICAL STUDENTS BASED ON DIFFERENT ADMISSION METHODS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY

In the context of universities increasingly adopting diverse admission methods to ensure the quality of incoming students, assessing the relationship between admission methods and academic performance of medical students at Hanoi Medical University is essential to provide a foundation for developing effective admission policies and improving the quality of education. As such, we conducted a study on the Learning Effectiveness of Medical Students by Admission Methods at Hanoi Medical University. This retrospective cross-sectional study included 796 students admitted to the Medicine program at Hanoi Medical University during the 2021 – 2022 period. There were three methods used to select students to Hanoi Medical University: a) national high school graduation scores, b) combined national high school graduation scores with certificate of English-French proficiency and c) direct admission. 71.48% was admitted based on the national high school graduation exam results. Among students admitted in 2021, those admitted through the combined admission method using English–French language certificates had the highest average first-year GPA (8.01/10). In both cohorts, students admitted through the direct admission method achieved the best academic performance among the three admission methods (7.86/10 for the 2021 – 2027 cohort and 8.19/10 for the 2022 – 2028 cohort). In conclusion, the admission method may serve as a predictor of learning effectiveness among medical students at Hanoi Medical University.

Keywords: Admission method, academic performance, grade point average.